TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H
****

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 66/2020/KDTM-ST
Ngày:24/09/2020
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

Với Hội đồng xét xử gồm có:
Chủ toạ phiên toà - Thẩm phán: Bà **Nguyễn Hoài Phương**
Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lan Ka** và Bà **Uông Thị Hoa**
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Mai Phương** - Kiểm sát viên
Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hương** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 24 tháng 09 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số55/TLST-KDTM ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 264/2020/QĐXXST-KDTM ngày 12/08/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2020/QĐST-KDTM ngày 01/09/2020, giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng B**. Địa chỉ trụ sở: Tháp B, 35 phố H, quận K, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông T – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo uỷ quyền: Ngân hàng B - Chi nhánh T (Quyết định số 843/QĐ - B ngày 19/11/2018) do ông D - Giám đốc chi nhánh làm đại diện. Ông D ủy quyền cho:

1. Ông H – Phó Giám đốc - Ngân hàng B - Chi nhánh T.
2. Ông L –Trưởng phòng Phòng Khách hàng doanh nghiệp 2.
3. Bà D – Kiểm soát viên Phòng Khách hàng doanh nghiệp 2.

(Văn bản ủy quyền số 1211/QĐ-UQ ngày 12/11/2019 và Văn bản ủy quyền số 1708/QĐ-UQ ngày 17/08/2020 về việc ủy quyền tham gia tố tụng).

(Ông L, bà D có mặt tại phiên tòa)

* Bị đơn: **Công ty cổ phần L.** Địa chỉ: Tầng 2, Tòa nhà P, số 352 đường G, p. P, quận T, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông H - Chủ tịch HĐQT**.**

(Ông H có mặt tại phiên tòa)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần Đ. Địa chỉ: P402 tầng 4 số 119 phố N, phường D, quận C, thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông T - Chủ tịch HĐQT**.**

(Ông Hưng có mặt tại phiên tòa)

2. Bệnh viện T. Địa chỉ: Số 1 đường H, huyện T, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông S - Giám đốc

(Ông S xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án – nguyên đơn: Ngân hàng Ngân hàng B chi nhánh Trình bày:

Ngày 08/08/2014, Công ty cổ phần L (gọi tắt là và Ngân hàng B - Chi nhánh T có ký Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo. Số tiền vay tối đa: 6.000.000.000 VND. Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí mua Hệ thống chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo diện xã hội hóa tại Bệnh viện T – Thành phố H (theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 20/02/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L v/v Đầu tư máy móc thiết bị và phê duyệt dự toán đầu tư). Thời gian cho vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Thời gian rút vốn: kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực (ngày ký hợp đồng tín dụng) đến hết ngày 31/12/2014.

* Quá trình ký kết, ngân hàng B chi nhánh T đã giải ngân cho Công ty cổ phần L số tiền 5.850.000.000 VND để thực hiện đề án: Lắp đặt hệ thống chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo diện xã hội hóa tại Bệnh viện T. Đề án đi vào hoạt động từ đầu năm 2015, máy chụp đã hoạt động bình thường và đem lại doanh thu cho Công ty, tạo nguồn trả nợ Ngân hàng.

Cụ thể việc giải ngân theo các khế ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04 như sau:

TT	Số khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Số tiền	Lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân
1	21282000059430	12/08/2014	12/08/2019	1.500.000.000	11%/năm
2	21282000059564	15/08/2014	12/08/2019	2.000.000.000	11%/năm
3	21282000059999	26/08/2014	12/08/2019	1.500.000.000	11%/năm

4	21282000064674	28/11/2014	12/08/2019	850.000.000	11%/năm
	Tổng			5.850.000.000	

Các tài sản bảo đảm hiện đang thế chấp tại ngân hàng B chi nhánh T để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là:

1. Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký giữa Công ty cổ phần Lvà ngân hàng B chi nhánh T và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theongày 05/05/2015.

- Chủ sở hữu tài sản: Công ty Cổ phần L

- Mô tả về tài sản thế chấp: hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, Model: SOMATOM Definition AS64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014 theoHóa đơn Giá trị gia tăng số 0000489 ngày 13/08/2014.

- Giá trị định giá gần nhất (ngày 11/12/2018): 5.825.297.619 VND

- Việc thế chấp tài sản nói trên tại ngân hàng B chi nhánh T đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/08/2014 và sửa đổi đăng ký ngày 11/05/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H.

2. Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký kết giữa NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ), Công ty Cổ phần L.

- Chủ sở hữu tài sản: Công ty Cổ phần Đ.

- Mô tả về tài sản thế chấp: 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463.

- Giá trị định giá gần nhất (ngày 11/12/2018): 331.000.000 VND

- Việc thế chấp tài sản nói trên tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/08/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H.

3. Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 09, thôn Đ, xã N, huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BC 420342; Số vào sổ cấp GCN: CH.00583.2010; Quyết định số 3377.QĐ.UBND.2010 do UBND huyện Đ cấp ngày 28/07/2010. Chủ sở hữu tài sản: ông H, sinh: 1973. CMND số: 012299582. Địa chỉ: Số 54, ngõ 127/15 đường N, quận T, thành phố H. Ông Tạ Duy H có quan hệ anh em ruột với Ông H – Chủ tịch HĐQT – Người đại diện theo pháp luật của Công ty CP L theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của Bên thứ ba số 03/2014/5060695/HĐBĐ ký ngày 08/08/2014 giữa Ông H và vợ là Bà T, Công ty cổ phần L và Ngân hàng B – Chi

nhánh T. Tài sản trên được thế chấp tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T để đảm bảo cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bị đơn đối với Nguyên đơn, trong đó bao gồm toàn bộ nghĩa vụ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo. Việc thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/08/2014 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Đ, Thành phố H.

Tháng 03/2019, Bên bảo đảm là ông H và bà T đã đề nghị được rút tài sản thế chấp nói trên để bán, B đồng ý cho Bên bảo đảm rút tài sản, Bên bảo đảm cam kết trả nợ thay cho Công ty cổ phần L số tiền 1.250.000.000 VND. Tháng 03/2019, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T đã thực hiện đầy đủ các thủ tục để giải chấp tài sản nói trên, xóa đăng ký thế chấp, thông báo giải chấp cho Văn phòng công chứng và trao trả hồ sơ tài sản cho Bên bảo đảm, đồng thờithu nợ một phần gốc quá hạn, số tiền 1.250.000.000 VND như cam kết nêu trên. Tính đến thời điểm gửi đơn khởi kiện lên Tòa án nhân dân Quận B – Thành phố H (tháng 11/2019), tài sản trên đã được giải chấp hoàn toàn tại Ngân hàng, do đó NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T không đưa vào nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

*Quá trình thực hiện theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 25/09/2016, Công ty bắt đầu phát sinh các khoản nợ quá hạn tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T. Từ đó tới nay, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T đã có 12 buổi làm việc chính thức (có ký biên bản làm việc giữa 2 bên) kèm theo nhiều thông báo nhắc nợ kết hợp gặp mặt, gọi điện… yêu cầu Công ty thu xếp mọi nguồn lực tài chính để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân hàng. Tuy nhiên Công ty liên tục trì hoãn và vi phạm các cam kết trả nợ với NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T. Sau rất nhiều nỗ lực đôn đốc thu hồi nợ, trong thời gian từ tháng 09/2016 tới nay, Công ty mới trả được 1.250.000.000 VND nợ gốc và vẫn tiếp tục phát sinh nợ gốc, lãi quá hạn kéo dài tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, đồng thời không phối hợp trong xử lý tài sản bảo đảm.

Tính đến hết ngày 31/10/2019, Công ty cổ phần Lcòn nợ NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T số tiền như sau:

TT	Số khế ước	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Nợ gốc quá hạn	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổng
1	21282000059430	12/08/2014	12/08/2019	687.179.472	390.367.178	97.490.598	1.175.037.248
2	21282000059564	15/08/2014	12/08/2019	916.238.926	520.489.360	129.987.569	1.566.715.855
3	21282000059999	26/08/2014	12/08/2019	687.179.473	390.367.178	97.490.598	1.175.037.249
4	21282000064674	28/11/2014	12/08/2019	389.401.949	221.208.209	55.244.566	665.854.724
	Tổng			**2.679.999.820**	**1.522.431.925**	**380.213.331**	**4.582.645.076**

Nguyên đơn đề nghị Toà án xem xét giải quyết:

1. Buộc Công ty cổ phần L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo và các khế ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04; cụ thể:

- Công ty cổ phần L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/05/2020 là 4.791.327.729đ trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820 đ, nợ lãi là: 1.713.009.691đ, nợ lãi quá hạn là: 398.318.218đ và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo và các khế ước nhận nợlà các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04 từ ngày 19/05/2020 cho đến ngày Công ty cổ phần Lthanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

2. Buộc Công ty cổ phần L thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký giữa Công ty cổ phần Lvà NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ngày 05/05/2015.

- Trường hợp Công ty cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T để trả nợ là 01 hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, Model: SOMATOM Definition AS64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014 đang đặt tại Bệnh viện T – thành phố H. Công ty cổ phần L vẫn phải tiếp tục thực hiện đến khi xong nghĩa vụ trả nợ nếu việc phát mại tài sản không thanh toán được hết khoản nợ tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T.

3. Buộc Công ty Cổ phần Đthực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký kết giữa NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng tái tạo Đông Dương, Công ty Cổ phần L.

- Trường hợp Công ty cổ phần Lkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T để trả nợ là 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463. Công ty cổ phần L vẫn phải tiếp tục thực hiện đến khi xong nghĩa vụ trả nợ nếu việc phát mại tài sản không thanh toán được hết khoản nợ tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T.

* Bị đơn - **Công ty cổ phần L** do ông H- Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày tại Công văn số 05/CV - LB ngày 19/02/2020, tại biên bản lấy lời khai ngày 07/05/2020 và các lời khai tại Tòa án: Công ty Cổ phần L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng từ năm 2014.

Công ty Cổ phần Dược phẩm L có ký Ngân hàng B - chi nhánh T Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo. Số tiền cam kết cho vay tối đa: 6.000.000.000 đ. Số tiền gốc thực tế đã vay: 5.850.000.000 đ. Mục đích cho vay: Thanh toán chi phí mua Hệ thống chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo diện xã hội hóa tại Bệnh viện T - H (theo Quyết định số 06/QĐ-HĐQT ngày 20/02/2014 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần L v/v Đầu tư máy móc thiết bị và phê duyệt dự toán đầu tư). Thời gian cho vay: 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên (ngày 12/08/2014). Thời gian rút vốn: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (ngày ký hợp đồng tín dụng) đến hết ngày 31/12/2014.

Quá trình thực hiện, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T đã giải ngân 04 lần cho Công ty L với tổng số tiền 5.850.000.000 đ để thực hiện đề án: Lắp đặt hệ thống chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo diện xã hội hóa tại Bệnh viện T. Cụ thể:

+ Ngày 12/8/2014, Ngân hàng giải ngân số tiền 1.500.000.000đ

+ Ngày 15/8/2014, Ngân hàng giải ngân số tiền 2.000.000.000đ

+ Ngày 26/8/2014, Ngân hàng giải ngân số tiền 1.500.000.000đ

+ Ngày 28/11/2014, Ngân hàng giải ngân số tiền 850.000.000đ

Đề án đi vào hoạt động từ đầu năm 2015, máy chụp đã hoạt động từ đó đến nay. Trong năm 2015 và năm 2016, Công ty đã trả Ngân hàng số nợ gốc là 1.920.000.180 đồng; năm 2019 bán đất tại xã K, huyện A trả cho Ngân hàng được 1.250.000.000 đ nợ gốc. Khi quá hạn đã làm việc giữa hai bên, có lập biên bản làm việc giữa các bên.

Để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty Cổ phần L có ký Ngân hàng B - chi nhánh T:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký giữa Công ty cổ phần Lvà NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo. Chủ sở hữu tài sản: Công ty Cổ phần L. Mô tả về tài sản thế chấp: 01 hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, Model: SOMATOM Definition AS64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014 theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000489 ngày 13/08/2014. Tài sản đã được đăng

ký giao dịch bảo đảm ngày 11/08/2014 và sửa đổi đăng ký ngày 11/05/2015 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố H. Hiện máy đang được đặt tại Bệnh viện T.

- Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký kết giữa NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng tái tạo Đông Dương, Công ty Cổ phần L. Chủ sở hữu tài sản: Công ty Cổ phần Đ. Mô tả về tài sản thế chấp: 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463. Tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 11/08/2014 tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H. Xe ô tô trên hiện do Công ty Cổ phần Đ đang quản lý sử dụng.

- Hợp đồng thế chấp số công chứng 0733.2014/CCHBT- HĐTC, quyển số 01 TP/CC -SCC/HĐGD ngày 08/8/82014 là tài sản đất tại Xã K, huyện A ,thành phố Hmang tên ông làTạ Duy Hưng. Năm 2019, ông đã bán đất tại Xã K, huyện A ,thành phố Htrả cho Ngân hàng được 1.250.000.000 đ nợ gốc để Ngân hàng tiếp tục giãn nợ cho Công ty.

* Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014 và Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 31/10/2019 là 4.582.645.076 đ (Bốn tỷ, năm trăm tám mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng./.) (trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820 đ, nợ lãi là: 1.522.431.925 đ, nợ lãi quá hạn là: 380.213.331 đ), Công ty L xác nhận nợ phải trả tuy nhiên đề nghị Ngân hàng xem xét về lãi vay cho Công ty về miễn khoản lãi quá hạn.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Công ty L thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký giữa Công ty cổ phần L và B về việc xử lý tài sản thế chấp là 01 hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, Model: SOMATOM Definition AS64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014 đang đặt tại Bệnh viện T – H; Công ty L không đồng ý, Công ty sẽ có quan điểm giải quyết đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty, không để Ngân hàng phải đưa ra giải quyết.

Công ty L có ký hợp đồng liên kết năm 2014 với Bệnh viện T đối với 01 hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính, tuy nhiên Công ty L tự vận hàng, hoạt động chứ Bệnh viện không có chức năng quản lý, sử dụng hay sở hữu máy. Bệnh viện T không có liên quan gì đến việc vay tín dụng và thế chấp hệ thống máy chụp cắt lớp giữa Công ty L và Ngân hàng B.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Công ty L Việt Nam thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký kết giữa NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, Công ty Cổ phần Đ, Công ty cổ phần Lvề việc xử lý tài sản thế chấp là 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463; thì công ty đồng ý.

*****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - **Công ty Cổ phần Đ** - do ông H - chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày tại biên bản ngày 12/08/2020: công ty không có ý kiến tranh chấp gì về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của Công ty L ký kết với Ngân hàng B. Đối với xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463; mà Công ty Đthế chấp cho khoản vay của Công ty L nay nếu công ty không trả được khoản nợ phải xử lý tài sản thế chấp thì công ty đồng ý đề nghị phát mại.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bệnh viện T** do ông S - Giám đốc Bệnh viện trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 01/09/2020: Ông làm Giám đốc Bệnh viện từ năm 2017.

Công ty Cổ phần L có quan hệ tín dụng với Ngân hàng như thế nào ông không biết, không nắm được Công ty Cổ phần L vay bao nhiêu tiền và thế chấp các tài sản gì. Ông không có ý kiến tranh chấp gì về nội dung của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp của Công ty Cổ phần L với Ngân hàng B - chi nhánh T.

Ngày 24 tháng 04 năm 2014, Bệnh viện T có ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/L- BVTT với Công ty Cổ phần L liên kết khai thác Dự án "lắp đặt hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo diện xã hội hóa tại Bệnh viện T". Về nội dung việc ký kết do ông T - nguyên Giám đốc Bệnh viện T ký kết. Hai bên có thỏa thuận phân chia thu nhập (Điều 6), thời hạn hợp đồng đến năm 2021(Điều 7). Bệnh viện T có cơ sở vật chất là nhà và uy tín theo nội dung đề án còn Công ty L mang máy đến lắp đặt. Sau khi lắp đặt xong hệ thống máy, về nguyên tắc do Bệnh viện quản lý, phối hợp vận hành và hoạt động được hai bên thỏa thuận thống nhất theo từng giai đoạn theo Hợp đồng và đề án đã ký giữa 2 bên. Tại thời điểm này Bệnh viện T với Công Ty L vẫn đang tiếp tục thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2014/HĐHTKD/L- BVTT ngày 24/04/2014 này nên không có yêu cầu gì.

Quá trình hoạt động thì không có vấn đề gì, hai bên phối hợp và chia tỷ lệ lợi nhuận đúng theo Hợp đồng. Thực tế hiện nay hệ thống máy vẫn đang hoạt động bình thường tuy nhiên đến tháng 3 năm 2017 đã tạm dừng hoạt động. Tháng 5 năm

2017 ông về quản lý Bệnh viện đã thấy máy tạm dừng hoạt động. Giữa Bệnh viện T và Công ty L đã nhiều lần họp giải quyết, hai bên và đã có một số các thỏa thuận. Tuy nhiên do đây là vấn đề riêng của Bệnh viện T và Công ty L, không liên quan đến vụ án tranh cấp tín dụng giữa Ngân hàng B và Công ty L nên ông từ chối không xuất trình tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án, không có yêu cầu gì. Đề nghị Công ty L cung cấp.

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty L nếu Công ty L không trả được khoản nợ thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp là "hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt" thì Bệnh viện có ý kiến như sau: Bệnh viện T chỉ có thỏa thuận với Công ty L về việc theo đề án xã hội hóa đặt máy giữa hai bên thì hợp tác; còn khoản vay của Công ty L với Ngân hàng là vụ việc riêng của Công ty L; Bệnh viện không có liên quan, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.Bệnh viện T xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên toà:

*Đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn - ông L trình bày: Ngân hàng B giữ nguyên quan điểm khởi kiện, yêu cầu bị đơn – Công ty L Việt Nam phải thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04. Tổng số tiền tính đến hết ngày 23/09/2020 là **4.913.297.499 VND** (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm mười ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng./.) (trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820VND, nợ lãi là: 1.834.979.460VND, nợ lãi quá hạn là: 398.318.218VND), Cụ thể như sau:

TT	Số khế ước	Số tiền vay ban đầu	Nợ gốc đã trả	Nợ gốc quá hạn còn lại	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổng nợ quá hạn còn lại
1	21282000059430	1.500.000.000	812.820.528	687.179.472	470.507.575	102.132.877	1.259.819.924
2	21282000059564	2.000.000.000	1.083.761.074	916.238.926	627.343.180	136.177.272	1.679.759.378
3	21282000059999	1.500.000.000	812.820.527	687.179.473	470.507.576	102.132.877	1.259.819.925
4	21282000064674	850.000.000	460.598.051	389.401.949	266.621.129	57.875.193	713.898.271
	Tổng			**2.679.999.820**	**1.834.979.460**	**398.318.218**	**4.913.297.499**

Và toàn bộ các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng nêu trên từ ngày 24/09/2020 cho đến ngày Công ty cổ phần Lthanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ.

- Buộc Công ty cổ phần Lthực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký

giữa Công ty cổ phần L với B và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ngày 05/05/2015.

Trường hợp Công ty cổ phần Lkhông thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T để trả nợ là 01 hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000489 ngày 13/08/2014, số dãy đầu thu: 32 dãy, số lát cắt/vòng quay: 64 lát cắt, số kênh thu điện tử: 64 kênh thu, thời gian xoắn ốc liên tục: 100s, công suất nguồn: 80 KW, Model: SOMATOM Definition AS 64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014, hệ thống đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 14001, ISO 13485, TUV, CE, FDA. Công ty cổ phần L vẫn phải tiếp tục thực hiện đến khi xong nghĩa vụ trả nợ nếu việc phát mại tài sản không thanh toán được hết khoản nợ tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T.

- Buộc Công ty Cổ phần Đthực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 ký kết giữa NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, Công ty Cổ phần Đ, Công ty Cổ phần L Việt Nam.

Trường hợp Công ty cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T, NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản đã thế chấp tại NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T để trả nợ là 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463.

* Bị đơn - đại diện theo pháp luật của Công ty L - ông H trình bày: Công ty L không có tranh chấp gì đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04; và các Hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng B. Lý do Công Ty L chưa trả được cho Ngân hàng vì nguồn trả nợ của Công ty từ Bệnh viện T. Do cơ chế tự chủ của Bệnh viện thay đổi, chính sách bảo hiểm thắt chặt nên Công ty L không thu được số tiền Bệnh viện còn nợ Công ty hơn 1 tỷ đồng. Khoản công nợ giữa Công ty L với Bệnh viện T không liên quan trong vụ án Ngân hàng B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng nên ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Công ty L xác nhận khoản nợ như Ngân hàng trình bày là **4.913.297.499** đồng; trong đó: nợ gốc là 2.679.999.820đồng, nợ lãi là: 1.834.979.460 đồng tính đếnhếtngày 23/09/2020. Tuy nhiên, Công ty L đề nghị được trả khoản nợ gốc

2.679.999.820đồng bằng nguồn cá nhân và bằng số tiền thu được từ Bệnh viện T (thời gian trả khoảng tháng 12 năm 2020). Đề nghị Ngân hàng xem xét về lãi cho Công ty L.

Công ty L đồng ý xử lý phát mại đối với xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727; không đồng ý xử lý phát mại đối với Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt, Model: SOMATOM Definition AS64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014đang được đặt tại Bệnh viện T. Sau khi Công ty L thanh toán được khoản nợ gốc cho Ngân hàng thì Công ty được toàn quyền sở hữu sử dụng hệ thống máy.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - đại diện theo pháp luật của Công ty Đ - ông H trình bày: Công ty Đ không có tranh chấp gì đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04; và các Hợp đồng thế chấp mà Công ty L, Công ty Đ đã ký kết với Ngân hàng B. Công ty Đ đồng ý xử lý tài sản đã thế chấp cho khoản vay của Công ty L tại Ngân hàng B để trả nợ là 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*** Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử ; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Được nhận thông báo, quyết định và các văn bản do Tòa án giải quyết trong quá trình chuẩn bị xét xử theo đúng quy định, được quyền xem, sao lục các tài liệu do Tòa án thu thập cũng như do các bên đương sự cung cấp, được quyền phát biểu, hỏi và tranh luận tại phiên tòa.

Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tống đạt niêm yết hợp lệ về phiên tòa nên việc Tòa án xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty L phải thanh toán cho Ngân hàng Ngân hàng B chi nhánh Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợlà các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04. Tổng số tiền đến hết ngày 23/09/2020 là **4.913.297.499 VND** (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm mười ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng./.)(trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820VND, nợ lãi là: 1.834.979.460VND, nợ lãi quá hạn là: 398.318.218VND). Xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để tuyên bị đơn chịu án phí kinh doanh thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết qủa tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng B và Công ty cổ phần L là tranh chấp giữa hai doanh nghiệp cùng có tư cách pháp nhân có mục đích lợi nhuận nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền xét xử vụ án:

Xét Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014 ký kết giữa Ngân hàng B - Chi nhánh T với Công ty cổ phần L có thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp. Căn cứ vào điểm b, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bệnh viện T xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án; căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

4.1. Xét Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo và các Khế

ước nhận nợ là các Bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02, 03, 04ký kết giữa Ngân hàng B - Chi nhánh T với Công ty cổ phần L về hình thức đều do ông D – Giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh T đại diện (bên cho vay) ký kết với ông H – Chủ tịch HĐQT Công ty L (bên vay) được lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của bên cho vay và bên vay. Về nội dung của hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ được ký kết với sự tự nguyện thỏa thuận của 02 bên liên quan đến khoản tiền cho vay, lãi suất tiền vay, lãi suất nợ quá hạn, tài sản đảm bảo cho khoản tiền vay, quyền và nghĩa vụ các bên trong việc thực hiện hợp đồng. Như vậy, hình thức và nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với các quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

4.2. Xét Mục 6 của Hợp đồng tín dụng và Mục 7 của khế ước nhận nợ là các bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01,02,03,04 hai bên thỏa thuận về lãi suất: "Lãi suất cho vay kỳ đầu áp dụng mức:11 %/năm; Lãi suất cho vay tại các kỳ tiếp theo áp dụng theo lãi suất cho vay trung dài hạn đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh. Kỳ hạn điều chỉnh theo lãi suất: theo quy định của Ngân hàng. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Ngân hàng B và Công ty L phù hợp với quy định cuả pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi nhận số tiền vay, Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo cam kết; Do đó, ngân hàng B chuyển sang nợ quá hạn là có cơ sở pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty L phải trả các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợ là bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01, 02,03,04. Tổng số tiền đến hết ngày 23/09/2020 là **4.913.297.499 VND** (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm mười ba triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng./.) (trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820VND, nợ lãi là: 1.834.979.460VND, nợ lãi quá hạn là: 398.318.218VND), Cụ thể như sau:

TT	Số khế ước	Số tiền vay ban đầu	Nợ gốc đã trả	Nợ gốc quá hạn còn lại	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổng nợ quá hạn còn lại
1	21282000059430	1.500.000.000	812.820.528	687.179.472	470.507.575	102.132.877	1.259.819.924
2	21282000059564	2.000.000.000	1.083.761.074	916.238.926	627.343.180	136.177.272	1.679.759.378
3	21282000059999	1.500.000.000	812.820.527	687.179.473	470.507.576	102.132.877	1.259.819.925

4	21282000064674	850.000.000	460.598.051	389.401.949	266.621.129	57.875.193	713.898.271
	Tổng			**2.679.999.820**	**1.834.979.460**	**398.318.218**	**4.913.297.499**

Trường hợp Công ty L không thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản theo hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa Ngân hàng với bên thế chấp, nếu phát mại không đủ để thanh toán nợ thì bị đơn tiếp tục thanh toán cho đến khi hết nợ với Ngân hàng. Công ty L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ.

[5]Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng:

5.1 Xét Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 01/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 đã ký giữa bên thế chấp Công ty cổ phần L và bên nhận thế chấp là NGÂN HÀNG B CHI NHÁNH T và Văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo ngày 05/05/2015: về hình thức đều do chủ sở hữu hợp pháp của tài sản cũng đồng thời là bên vay ký kết với người có thẩm quyền đại diện cho Ngân hàng. Ngày 11/08/2014, Bên nhận bảo đảm - Ngân hàng B và bên bảo đảm - Công ty cổ phần L đã ký đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H và đã được chứng nhận vào ngày 11/08/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 11/05/2015 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H; Tại Điều 9 của Hợp đồng thế chấp có thoả thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, do Công ty L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng B yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo theo nội dung Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các quy định của pháp luật vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng B được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000489 ngày 13/08/2014, số dãy đầu thu: 32 dãy, số lát cắt/vòng quay: 64 lát cắt, số kênh thu điện tử: 64 kênh thu, thời gian xoắn ốc liên tục: 100s, công suất nguồn: 80 KW, Model: SOMATOM Definition AS 64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014, hệ thống đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 14001, ISO 13485, TUV, CE, FDA được chấp nhận.

Theo Biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 16/07/2020 tại Bệnh viện T – H hiện máy vẫn đang hoạt động bình thường.

5.2 Xét Hợp đồng thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba số 02/2014/5060695/HĐBĐ ngày 08/08/2014 đã ký kết giữa bên nhận thế chấp - Ngân

hàng B - Chi nhánh T, bên thế chấp - Công ty Cổ phần Đ và bên được bảo đảm - Công ty Cổ phần L Việt Nam, về hình thức đều do chủ sở hữu hợp pháp của tài sản và bên vay ký kết với người có thẩm quyền đại diện cho Ngân hàng. Ngày 11/08/2014, bên nhận bảo đảm - Ngân hàng B và bên bảo đảm - Công ty Cổ phần Đ đã ký đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại H và đã được chứng nhận vào ngày 11/08/2014. Tại Điều 10 của Hợp đồng thế chấp có thoả thuận về việc xử lý tài sản thế chấp, do Công ty L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng B yêu cầu phát mại tài sản đảm bảo của Công ty Cổ phần Đtheo nội dung Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với các quy định của pháp luật vì vậy có hiệu lực thi hành đối với các bên. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn - Ngân hàng B được quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản thế chấp là: 01 Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463 theo Đăng ký xe ô tô số 064235 do Công an thành phố H cấp ngày 17/11/2010 mang tên Công ty Cổ phần Đ được chấp nhận.

Theo Biên bản xem xét thực tế và thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 03/06/2020 thì hiện xe ô tô vẫn đang hoạt động bình thường.

5.3. Ngày 15/03/2019 Công ty L đã nộp số tiền 1.250.000.000 đồng để thanh toán khoản nợ của tại Ngân hàng và giải chấp tài sản là *Quyền sử dụng đất tại Thửa đất số 98, Tờ bản đồ số 09, Thôn Đ, Xã N, Huyện Đ, Thành phố H theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BC 420342; Số vào sổ cấp GCN: CH.00583.2010; Quyết định số 3377.QĐ.UBND.2010 do UBND huyện Đ cấp ngày 28/07/2010. Chủ sở hữu tài sản: Ông H*. Ngân hàng B cho rằng tài sản này không còn bảo đảm cho khoản vay của Công ty L tại Ngân hàng B nữa nên không yêu cầu giải quyết về tài sản thế chấp này trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Công ty L phải tiếp tục thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu sau khi đã khấu trừ giá trị các tài sản phát mại.

Ngân hàng Ngân hàng B chi nhánh Tiếp tục quản lý hồ sơ các tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[6] Về án phí: Bị đơn − Công ty L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền nợ phải thanh toán trả nguyên đơn là 112.913.279đồng.

Nguyên đơn: Ngân hàng B không phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với yêu cầu được Tòa án chấp nhận nên trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 56.000.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Luận cứ và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 318, 323, 342,343, 348, 349, 355, 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;
- điểm c khoản 1Điều 688 Bộ Luật Dân sự 2015;
- khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;
- Điều 2, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).
- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNNgày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ – CP ngày 29/12/2006 của chính phủ về giao dịch bảo đảm; các Điều 31, 32, 33, 34 Nghị định 178/1999/NĐ – CP ngày 29/12/1999 của Chính phủ về bảo đảm tiền vay của tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với Công ty cổ phần L.

II. Buộc Công ty cổ phần L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vay trong hạn, lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/5060695/HĐTD ngày 08/08/2014; Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01 ngày 27/11/2014 kèm theo; các Khế ước nhận nợ các bảng kê rút vốn (nhận nợ vay) lần 01,02,03,04. Tổng số tiền tính đến hết ngày 23/09/2020 là **4.913.297.499 VND** (Bằng chữ: Bốn tỷ, chín trăm mười ba triệu, hai trăm chín mươi

bảy nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng./.) (trong đó: nợ gốc quá hạn là 2.679.999.820VND, nợ lãi là: 1.834.979.460VND, nợ lãi quá hạn là: 398.318.218VND), Cụ thể như sau:

TT	Số khế ước	Số tiền vay ban đầu	Nợ gốc đã trả	Nợ gốc quá hạn còn lại	Nợ lãi	Nợ lãi quá hạn	Tổng nợ quá hạn còn lại
1	21282000059430	1.500.000.000	812.820.528	687.179.472	470.507.575	102.132.877	1.259.819.924
2	21282000059564	2.000.000.000	1.083.761.074	916.238.926	627.343.180	136.177.272	1.679.759.378
3	21282000059999	1.500.000.000	812.820.527	687.179.473	470.507.576	102.132.877	1.259.819.925
4	21282000064674	850.000.000	460.598.051	389.401.949	266.621.129	57.875.193	713.898.271
	Tổng			**2.679.999.820**	**1.834.979.460**	**398.318.218**	**4.913.297.499**

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong các hợp đồng tín dụng trên tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

III. Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, trường hợp Công ty cổ phần L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi trả nợ cho Ngân hàng gồm:

1. Hệ thống máy chụp cắt lớp vi tính xoắn ốc toàn thân 64 lát cắt theo Hóa đơn Giá trị gia tăng số 0000489 ngày 13/08/2014, số dãy đầu thu: 32 dãy, số lát cắt/vòng quay: 64 lát cắt, số kênh thu điện tử: 64 kênh thu, thời gian xoắn ốc liên tục: 100s, công suất nguồn: 80 KW, Model: SOMATOM Definition AS 64, hãng sản xuất: Siemens, nước sản xuất: Cộng hòa liên bang Đức, năm sản xuất: 2014, hệ thống đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, ISO 14001, ISO 13485, TUV, CE, FDA.

2. Xe ô tô Ford Escape EV, Biển kiểm soát: 31F-6727, Số khung: RL05SEFAMARR07253, Số máy: L310510463 theo Đăng ký xe ô tô số 064235 do Công an thành phố H cấp ngày 17/11/2010 mang tên Công ty Cổ phần Phát triển năng lượng tái tạo Đông Dương.

Trường hợp số tiền xử lý các tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết toàn bộ khoản nợ thì Công ty cổ phần L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng B .

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần L phải chịu **112.913.279 đồng** ***(một trăm mười hai triệu, chín trăm mười ba nghìn, hai trăm bẩy mươi chín đồng)*** tiền án phí sơ thẩm.

Ngân hàng B được trả lại số tiền tạm ứng án phí là: **56.000.000 đồng** ***(Năm mươi sáu triệu đồng chẵn)*** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0024037 nộp ngày 13/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố H.

V. Về quyền kháng cáo:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn - Công ty cổ phần L có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Công ty Đ có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bệnh viện T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Hoài Phương

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán chủ toạ phiên toà**